

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TỘC NGƯỜI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở VÙNG DÂN TỘC THiểu SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

TS. Đặng Thị Hoa
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến vai trò và việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở vùng miền núi và dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc - địa bàn trọng yếu về mọi mặt của dải biên cương rộng lớn của đất nước, có 30 dân tộc thiểu số cư trú. Thông qua việc tiếp cận các phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa của những tộc người ở các tỉnh miền núi phía Bắc, bài viết muốn làm rõ những ảnh hưởng của chúng đến việc xây dựng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại các cộng đồng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị để các cơ quan quản lý nhìn nhận một cách khoa học và phù hợp hơn trong xây dựng nông thôn mới ở từng địa phương, vùng, miền trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH & HĐH) và hội nhập của đất nước.

Từ khóa: Văn hóa tộc người, nông thôn mới, dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng nông thôn mới là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Đảng và Nhà nước xác định là Chương trình mục tiêu Quốc gia đến năm 2020 trong sự nghiệp phát triển CNH, HĐH và hội nhập quốc tế của đất nước. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được ban hành thể hiện quyết tâm chính trị nhằm thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng hiện đại, cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất hợp lý, phát triển khu vực nông thôn theo hướng ổn định, bền vững, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, an ninh chính trị được giữ vững và đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Qua 5 năm triển khai thực hiện, Chương trình đã đạt được những thành tựu nhất định. Nhiều

tỉnh, thành trong cả nước đã xây dựng được một số mô hình nông thôn mới đạt đủ 19 tiêu chí và về đích như qui định (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016a). Tuy nhiên, đối với các tỉnh miền núi nói chung, vùng miền núi phía Bắc nói riêng, Chương trình xây dựng nông thôn mới cũng đang gặp nhiều khó khăn và cần được bàn luận để xây dựng một mô hình được công nhận mang tính thực tiễn và có ý nghĩa.

Theo số liệu Tổng điều tra 53 dân tộc thiểu số, tính đến ngày 1 tháng 7 năm 2015, cả nước hiện có 13,38 triệu người dân tộc thiểu số. Trong đó, các tỉnh miền núi phía Bắc có 6,68 triệu người (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2016a), chủ yếu là các dân tộc Tày, Nùng, Hmông, Dao, Thái, Mường, Sán Chay, Sán Dìu,... Đặc điểm nổi

bật là các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi phía Bắc sống xen kẽ trong các bản làng. Mặc dù mỗi dân tộc có nếp sống riêng, có khuôn mẫu văn hóa riêng nhưng cũng có những nét tương đồng về phong tục, tập quán (Bế Viết Đăng, 1996). Qua hàng nghìn năm xây dựng và phát triển, bản sắc văn hóa của từng dân tộc đã góp phần tạo nên bức tranh văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng miền và đất nước trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, ở một số tộc người, nhiều phong tục tập quán không còn phù hợp với công cuộc phát triển cộng đồng. Trong quá trình thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới hiện nay, những tập tục truyền thống ấy cần được “gạn đục khơi trong” để có những ảnh hưởng tích cực, đồng thời loại bỏ những sinh hoạt gây trở ngại đến sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa các dân tộc vùng miền núi phía Bắc, đặc biệt là các tỉnh biên giới (Hoàng Văn Hoan, 2014).

2. Phát huy bản sắc văn hóa tộc người trong xây dựng nông thôn mới

Trong xây dựng nông thôn mới hiện nay, tiêu chí về văn hóa được đánh giá là rất khó hoàn thành ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ Quy định bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, trong đó nêu rõ, để đạt được tiêu chí về văn hóa, cấp xã phải có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Tại Điều 5, Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011 đã quy định rõ: thôn/ làng/ bản văn hóa phải đạt được 5 tiêu chí gồm đời sống kinh tế ổn định

và từng bước phát triển, có đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú; môi trường cảnh quan sạch đẹp; chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước; có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong cộng đồng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011).

Những tiêu chí quy định về thôn/ làng/ bản văn hóa phải đạt một số tiêu chí gắn liền với các phong tục tập quán của người dân như: duy trì hoạt động văn hóa, thể thao, thu hút 40% số người trở lên tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao tại cộng đồng; có 70% số hộ thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; có nhiều hoạt động đoàn kết, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo tồn các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương; đảm bảo an ninh chính trị, dân chủ ở cơ sở và thực hiện tổ chức tự quản ở cộng đồng có hiệu quả.

Theo số liệu từ cuộc Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2011 của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ xã đạt tiêu chí về văn hóa ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 19,9%, đạt tỷ lệ thấp nhất trong cả nước và thấp hơn vùng Tây Nguyên (23,75%), Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (33,93%) (Tổng cục Thống kê, 2011). Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao tỷ lệ làng, bản đạt tiêu chí văn hóa ở các tỉnh miền núi phía Bắc còn thấp so với các vùng miền khác? Đó là những chiều cạnh văn hóa - xã hội còn chưa được khai thác, phát huy tại cộng đồng một cách hợp lý để góp phần xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư? Dưới đây bài viết xem xét những phong tục tập quán của các tộc người thiểu số ở những tỉnh miền núi phía Bắc chứa đựng nhiều yếu tố

tích cực trong đời sống văn hóa, xã hội cần được phát huy để thực hiện, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số xây dựng đời sống văn hóa mới; những tập tục nào cần loại bỏ trong nếp sống văn hóa của tộc người?

- *Tinh thần đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong cộng đồng*: Mỗi quan hệ cộng đồng và quan hệ huyết thống giữ vai trò rất quan trọng, đặc biệt là ở các tộc người vùng cao như Hmông, Dao, Tày, Nùng, Sán Chay,... Những mối quan hệ này chi phối đời sống sinh hoạt mọi mặt của từng gia đình trong dòng họ và bản làng các tộc người. Tại các thôn/bản, những gia đình có cùng quan hệ huyết thống (nhất là anh em họ gần) thường cư trú thành từng cụm quây quần với nhau, trên địa bàn đất đai mà cha ông mình khai phá, tạo dựng. Mỗi thành viên trong dòng họ đều luôn ý thức trách nhiệm, cùng chia sẻ và đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, đặc biệt khi có tang ma, cưới xin, thiên tai, hoạn nạn. Tất cả trách nhiệm và quyền lợi được qui định thành lệ hay còn gọi là tập quán pháp. Tùy từng địa phương, từng tộc người mà tập quán pháp có đặc trưng riêng, nhưng chủ yếu đều thể hiện ở những cung cách sinh hoạt, lễ nghi, đời sống tâm linh tạo thành mối quan hệ gắn bó giữa các thành viên trong khuôn mẫu văn hóa gia đình, văn hóa dòng họ và văn hóa cộng đồng làng bản. Trong đó, các nghi lễ liên quan đến gia đình, vòng đời hay dòng họ đã trở thành sợi dây gắn kết giữa các thành viên với nhau.

Các mối quan hệ cộng đồng, dòng họ, gia đình có sức sống mạnh mẽ cho đến ngày nay đã trở thành nguồn vốn xã hội quan trọng giúp mỗi cá nhân, gia đình có thêm những sự hỗ trợ đặc biệt quan trọng và hữu ích trong đời sống sinh hoạt và sản xuất. Vì vậy, không chỉ

trong truyền thống mà cả hiện tại, giá trị chuẩn mực đạo đức cộng đồng và tộc người luôn được đề cao. Vai trò người già trong làng, bản được tôn trọng. Vai trò trưởng họ, đặc biệt ở các tộc người Hmông và Dao, nhiều khi mang tính quyết định trong một số công việc quan trọng liên quan đến sự cố kết của dòng họ ấy tại địa bàn sinh sống. Chẳng hạn như quyết định việc định cư, di chuyển nơi cư trú, canh tác, thờ cúng, giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong nội bộ dòng họ và giữa các dòng họ, tiếp thu và đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới cộng đồng dân cư,...

Các thành viên sống trong cộng đồng làng bản luôn có niềm vui và sự an toàn khi được chia sẻ và gắn mình với nhịp điệu sống của họ hàng và cộng đồng. Ngược lại, nếu như bị tách ra khỏi cộng đồng, mỗi cá nhân cảm nhận sẽ gặp những rủi ro, vận hạn hay sự cô lập (nhất là khi thực hiện các nghi lễ đời người như sinh đẻ, cưới xin, tang ma, lễ thành đinh,...), bởi vì khi đó họ không nhận được sự quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ của người thân cũng như mọi người trong dòng họ và cộng đồng. Hơn thế nữa, sự cảm nhận không có gì xấu hơn khi một người bị tách ra khỏi đời sống văn hóa, xã hội của cộng đồng.

- *Bảo vệ môi trường sống lành mạnh thông qua các hoạt động quản lý xã hội theo tập quán tộc người*: Nếp sống của nền nông nghiệp mang nặng tính tự cung, tự cấp vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hoạt động cộng đồng và những hành vi của mỗi con người trong các tộc người ở vùng miền núi phía Bắc. Để duy trì được lối sống đó, không gian làng bản và những điều kiện cần để duy trì nguồn sống của cá nhân và gia đình hết sức quan trọng. Không gian làng bản không

chỉ đơn thuần là nơi cư trú (cộng sinh), mà còn là nơi cộng cảm và cộng mệnh gắn với hoạt động sản xuất, đời sống tinh thần của mỗi con người và cộng đồng các dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, các mối quan hệ trong gia đình, dòng họ, làng bản là môi trường xã hội hết sức quan trọng trong đời sống tâm lý của đồng bào, đồng thời có chức năng duy trì và phát triển văn hóa tộc người. Đây chính là môi trường lưu giữ và truyền dạy cho các thế hệ theo định hướng giá trị nhân văn của tộc người trong đời sống cộng đồng. Những giá trị truyền thống đó được biểu hiện trong các nghi lễ, sinh hoạt của gia đình, dòng họ, cộng đồng làng bản.

Cùng với việc duy trì và phát huy những mặt tích cực của mô hình quản lý xã hội truyền thống các dân tộc thiểu số, việc phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng đối với các hoạt động quản lý xã hội, kinh nghiệm trong giữ gìn văn hóa dân tộc thời gian qua cho thấy, các địa phương vùng miền núi phía Bắc đã phát huy được tác dụng tích cực trong xây dựng nông thôn mới.

- *Phát huy các giá trị của lễ hội ở cộng đồng:* Để duy trì tinh thần đoàn kết trong cộng đồng, nhiều địa phương đã chủ động khôi phục và mở rộng các lễ hội truyền thống vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân, vừa duy trì và bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người. Theo kết quả khảo sát của đề tài *Ảnh hưởng của phong tục tập quán trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc* năm 2015 tại các tỉnh Lạng Sơn, Hà Giang, Hòa Bình và Quảng Ninh, có 68% số người được hỏi cho biết thường xuyên tham gia các ngày lễ hội

của dân tộc mình và tổ chức trong vùng. Có những lễ hội được tổ chức theo phong tục truyền thống của nhiều địa phương như: *Lồng tồng* (các dân tộc Tày, Nùng, Sán Chay); *Gầu tào* (dân tộc Hmông),... Ngoài ra, các cộng đồng người Tày, Nùng còn tổ chức những nghi lễ Rằm tháng Bảy, tết Thanh minh (mùng 3 tháng Ba), tết Đoan ngo (mùng 5 tháng Năm), lễ cúng cơm mới,...

Các lễ nghi thuộc phần Lễ, còn hoạt động của phần Hội theo phong tục tập quán xưa gồm các trò chơi dân gian, thi đấu thể thao dân tộc cũng được tổ chức, thu hút sự tham gia của tất cả các gia đình trong thôn bản, nhất là lớp trẻ. Trong phần Lễ, bên cạnh những mâm lễ vật cúng được chuẩn bị cầu kỳ, đẹp mắt của các hộ gia đình trong thôn bản, còn có những bộ trang phục truyền thống của tộc người đẹp nhất tô màu thêm cho lễ hội được các thiếu nữ, phụ nữ ăn vận vào những dịp này. Ngoài phần lễ, phần hội thường tổ chức từ vài ngày đến một tuần lễ, thậm chí còn kéo dài trong sự liên kết giữa nhiều làng với nhau trong vùng. Phần hội, cũng là không gian cho sự tham gia bởi các trò chơi truyền thống với cách thức tổ chức dân dã để ai cũng có thể tham gia. Ở đây, sự kết hợp giữa các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống của các tộc người như điệu hát *sli*, *lượn* của dân tộc Tày, Nùng, múa khèn của người Hmông kết hợp các hình thức biểu diễn ca nhạc mới làm cho lễ hội trở nên nhộn nhịp và hấp dẫn, thu hút thanh niên đến thưởng thức. Các hoạt động của lễ hội, nghi lễ truyền thống ngoài vai trò là sợi dây gắn kết các thành viên trong cộng đồng, còn đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của những nhóm xã hội trong cộng đồng đó.

3. Một số trở ngại của văn hóa tộc người trong xây dựng nông thôn mới

Như đã đề cập ở trên, quy định tại Điều 5, Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011, làng/bản văn hóa đạt chuẩn phải đáp ứng được nhiều quy định, trong đó phải có 70% số hộ trong thôn bản thực hiện đúng các quy định liên quan đến phong tục tập quán tộc người trong việc cưới, việc tang và lễ hội (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016a). Sự khác biệt trong các quy định của nếp sống văn hóa mới và phong tục tập quán dân tộc đang là những vấn đề đặt ra trong quá trình thực thi tiêu chí văn hóa xây dựng nông thôn mới ở cộng đồng làng bản các tộc người vùng miền núi phía Bắc.

- *Tập tục trong đám cưới và tang ma:* Theo kết quả khảo sát tại các tỉnh Hà Giang, Lạng Sơn, Hòa Bình và Quảng Ninh năm 2016 của đề tài cấp Nhà nước về *Ảnh hưởng của phong tục tập quán trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc* (thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng nông thôn mới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), một số tộc người như Mường, Sán Chay đã thực hiện quy định nếp sống mới trong đám cưới. Nhưng một số tộc người cư trú ở vùng cao (Hmông, Dao) vẫn còn duy trì những nghi lễ đám cưới truyền thống. Cụ thể, ở dân tộc Mường, có đến 94,4% và Sán Chay là 72,7% hộ gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo nếp sống văn hóa mới, 100% người Hmông được hỏi cho rằng vẫn thực hiện theo phong tục truyền thống, và đương nhiên là họ chưa thực hiện các nghi thức theo nếp sống văn hóa mới. Theo ý kiến của đại diện các hộ gia đình, tập quán thách cưới ở người Hmông vẫn còn giữ tới 98,6%, người Dao (57,8%),

người Tày (42%) và người Nùng (45,5%). Ở một số tộc người đã có sự chuyển đổi, nhưng ý thích tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vẫn còn khá phổ biến: 58,2% ở dân tộc Dao và 48,7% ở dân tộc Nùng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016b).

Đối với nghi lễ trong đám tang, việc thực hiện các quy định trong tang lễ theo nếp sống mới hết sức khó khăn ở một số dân tộc thiểu số. Theo quan niệm của một số tộc người (Nùng, Tày, Hmông, Dao và các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến), tang ma là công việc hệ trọng của một con người, gia đình, dòng họ và xóm làng. Theo phong tục, các dân tộc đều xem và chọn ngày đẹp để tiến hành chôn cất người chết. Những kiêng cử này đã tạo ra tâm lý phải lưu giữ thi thể người chết trong nhà tới 4 - 5 ngày. Trong thời gian đó, bên cạnh các lễ nghi, họ còn tổ chức ăn uống và đợi “ngày đẹp” mới chôn cất người chết. Do vậy, ở một số tộc người thiểu số miền núi phía Bắc (Hmông, Dao, Hà Nhì, Lô Lô), các gia đình có tang phải chuẩn bị nhiều đồ ăn thức uống, tổ chức tang lễ trong nhiều ngày và đặc biệt rất khó thực hiện quy định chôn cất người chết trong vòng 24 tiếng sau khi tắt thở. Trên thực tế, không có hộ gia đình nào thực hiện theo đúng quy định ấy, có tới 97,3% vẫn thực hiện phong tục tập quán. Đối với các dân tộc khác, hầu hết các hộ gia đình trong mẫu khảo sát là 200, vẫn thực hiện theo phong tục tập quán và chưa thực hiện theo quy định của nếp sống mới như: Nùng 83,8%, Tày 84,2%, Dao 70,2% (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016b).

Trên thực tế ở vùng miền núi phía Bắc, các dân tộc thiểu số vẫn duy trì những phong tục tập quán truyền thống trong tang ma, cưới hỏi, các nghi lễ gia đình và cộng

đồng. Không ít làng bản của các tộc người cư trú ở vùng sâu, vùng xa, quan hệ giữa chính quyền điều hành nếp sống mới lại vướng mắc bởi những phong tục tập quán này. Tại các bản vùng sâu, vùng xa, những dòng họ lớn, các vị trưởng tộc hoặc người cao tuổi mất, đám tang kéo dài nhiều ngày, chi phí cho việc làm ma tốn kém. Trường hợp con trưởng ở các dòng họ lớn, đám cưới thường kéo dài với cả trăm mâm, nhiều khi cả làng cùng tham gia; hay tục so tuổi, xem ngày vẫn thịnh hành hầu như ở tất cả các dân tộc không kể vùng thấp hay vùng cao. Cho đến hiện nay, tiêu chí về gia đình văn hóa thực hiện nếp sống mới theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về nghi lễ đám cưới và tang ma đang là thách thức không nhỏ.

- Tập quán trong hôn nhân và gia đình:

Trước đây, các dân tộc thường kết hôn trong nội tộc người với nhau, rất ít trường hợp hôn nhân với người dân tộc khác. Do vậy, tình trạng tảo hôn hiện vẫn còn diễn ra và thường không đăng ký với chính quyền. Theo kết quả điều tra năm 2016 tại 4 tỉnh Hà Giang, Lạng Sơn, Hòa Bình và Quảng Ninh (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016b), độ tuổi kết hôn trung bình theo các dân tộc là 22,9 tuổi, trong đó người Kinh là 25,3 tuổi, người Tày là 22,9 tuổi và người Nùng là 21,7 tuổi; tỷ lệ này ở nam cao hơn (23,4 tuổi) so với nữ là 22,4 tuổi. Trong khi đó, tỷ lệ kết hôn trong độ tuổi từ 14 đến 18 của các dân tộc vẫn còn chiếm tới 14,2%. Cụ thể, ở người Kinh độ tuổi kết hôn từ 14 - 18 tuổi chiếm 3,6%, người Tày 14,7% và người Nùng 18,8%.

Theo kết quả điều tra kinh tế - xã hội năm 2016 của Ủy ban Dân tộc tại 53 dân tộc

thiểu số ở nước ta, độ tuổi kết hôn trung bình lần đầu ở một số tộc người khá thấp và tỷ lệ tảo hôn cao (Bảng 1).

Theo số liệu Bảng 1, tỷ lệ tảo hôn ở nhiều dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc là con số đáng báo động. Có tới 8 dân tộc có tỷ lệ tảo hôn từ 40% trở lên là Hmông, Hà Nhì, Lô Lô, Lự, Cơ Lao, Kháng, Phù Lá và La Hủ, đều thuộc vùng miền núi phía Bắc. Tài liệu điều tra năm 2016 cũng cho thấy, ở vùng miền núi phía Bắc có tới 20 dân tộc tỷ lệ tảo hôn từ 20% đến 30%. Đây là một trong những nguyên nhân khiến nhiều xã không đạt được tiêu chí về văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, hiện nay, các dân tộc thuộc ngôn ngữ Hmông - Dao, Môn - Khơ-me, Tạng - Miến vẫn còn lưu giữ tập quán sinh con tại nhà và ít nhờ tới sự hỗ trợ của nhân viên y tế. Một số tộc người có tỷ lệ sinh con tại nhà rất cao như La Hủ, Hà Nhì, Khơ - mú, Kháng, Hmông,... Tập quán này đã ảnh hưởng trực tiếp tới chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, làm tăng nguy cơ chết trẻ sơ sinh và chết mẹ trong quá trình sinh đẻ. Bên cạnh đó, sinh con tại nhà và ít đi khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, không sử dụng thẻ bảo hiểm y tế cũng làm ảnh hưởng không nhỏ tới tiêu chí về chăm sóc sức khỏe trong xây dựng nông thôn mới.

Do tình trạng tảo hôn vẫn còn khá phổ biến, tâm lý sinh nhiều con, mong muốn sinh có đủ trai, đủ gái vẫn còn tồn tại khá nặng nề trong các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc. Tình trạng sinh nhiều con vẫn diễn ra, hiện tượng sinh con thứ ba trở lên diễn ra ngày càng nhiều, đặc biệt ở một số tộc người không có dấu hiệu giảm (Hmông, Dao).

*Bảng 1. Tuổi kết hôn trung bình lần đầu và tỷ lệ tảo hôn
chia theo dân tộc vùng miền núi phía Bắc*

Dân tộc	Tổng số người kết hôn năm 2014	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu	Tỷ lệ tảo hôn (%)
Tày	27.808	21,7	10,8
Mường	20.797	21,6	13,6
Nùng	15.592	21,1	15,1
Hmông	24.251	18,9	59,7
Dao	14.106	19,5	37,8
Sán Chay	2.783	21,1	16,6
Hà Nhì	328	19,6	43,6
Lô Lô	73	20,3	43,8
Lự	64	18,7	48,4
Cơ Lao	23	19,8	47,8
Pà Thẻn	154	19,7	26,6
Kháng	217	18,9	40,6
Phù Lá	160	19,9	41,9
La Hủ	182	19,4	45,6

Nguồn: Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, Điều tra Kinh tế - xã hội
ở 53 dân tộc, năm 2016

Bảng 2. Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại nhà chia theo dân tộc ở vùng miền núi phía Bắc
Đơn vị: %

Dân tộc	Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại nhà
Tày	82,2	17,7
Mường	78,9	21,1
Thái	42,6	57,3
Nùng	72, 0	27,8
Hmông	22,4	77,4
Dao	54,5	45,3
Sán Chay	75, 0	25, 0
Khơ mú	26,6	73,3
Hà Nhì	17,5	82,4
Kháng	22, 0	78, 0
La Hủ	4,5	95,1

Nguồn: Ủy Ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, Điều tra Kinh tế - xã hội
ở 53 dân tộc, năm 2016

Cùng với nền kinh tế tự cung, tự cấp, hộ gia đình các dân tộc thiểu số vùng cao, vùng biên giới dường như không vượt qua được sự lo toan cho những nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc và ở hàng ngày. Do vậy, việc sinh nhiều con đối với họ trở thành niềm hạnh phúc và cung ứng nguồn lao động cho gia đình hơn là áp lực khi phải lo nuôi con ăn học đủ đầy như một số tộc người vùng thấp có mức sống cao hơn (Tày, Thái, Mường).

Ngoài ra, một số tập tục xưa như “bắt vợ”, lấy vợ sớm đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của nhóm thanh niên ở độ tuổi dậy thì. Quan niệm con gái ở tuổi 17 - 18 mà chưa đi lấy chồng được coi là ế (người Dao, Hmông, Sán Chay) đã làm cho hiện tượng tảo hôn vẫn diễn ra và không có dấu hiệu giảm ở những tộc người thiểu số vùng miền núi phía Bắc. Đối với trẻ em gái khi phải kết hôn sớm, các em đã phải đảm nhận chức năng làm mẹ, trong khi về mặt sinh học, cơ thể các em chưa phát triển đầy đủ; về mặt nhận thức và quan hệ xã hội, các em chưa đủ kiến thức và nhìn nhận việc nuôi nấng và chăm sóc con nhỏ. Thêm vào đó là gánh nặng trong đảm bảo đời sống khi ở riêng hay hoạt động sản xuất cho gia đình khi còn chung sống cùng bên nhà chồng. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho một bộ phận em gái ở các tộc người thiểu số vùng cao bỏ học giữa chừng. Vòng luẩn quẩn khiến cho các em (cả trai và gái) dân tộc thiểu số không thể thoát khỏi đói nghèo và có được những kiến thức, trình độ hiểu biết nhất định, đáp ứng được các yêu cầu về chuyển đổi nghề nghiệp và loại hình lao động góp phần cải thiện đời sống gia đình, tiến tới xóa đói giảm nghèo bền vững.

Ngoài những phong tục, tập quán như đã nói trên, một số tập quán khác trong sinh hoạt hàng ngày cũng đang chi phối sự nghiệp xây dựng bộ mặt làng/bản nông thôn mới ở các dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc. Đó là thói quen lạm dụng rượu ở các nhóm tuổi thanh niên và người già là nam giới trong các dịp lễ tết, đám cưới,... Thói quen uống rượu không chỉ gây hại đến sức khỏe của các thành viên lao động chính trong hộ gia đình mà còn gây nên sự xung đột cá nhân hoặc bạo lực, thậm chí tan vỡ hạnh phúc gia đình. Đây là một thực tế đã và đang diễn ra tại các bản làng, gia đình, nhưng lại ít khi diễn ra ở những buổi chợ phiên vùng cao hay các dịp lễ hội.

Tập tục không muốn phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội ngoài cộng đồng dân tộc mình, hay những dịp tập huấn nâng cao kiến thức sinh đẻ có kế hoạch, khuyến nông, khuyến lâm... vẫn tồn tại ngay trong những gia đình trẻ ở các dân tộc Hmông, Nùng, Lô Lô, Kháng, Cống, Si La. Điều này làm giảm đi cơ hội mở rộng sự giao tiếp và hội nhập của nữ giới với hoạt động xây dựng các cộng đồng nông thôn mới.

4. Một vài nhận xét

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã chỉ rõ, văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực cho phát triển, nhưng trong quá trình phát triển đó cần phải khắc phục những yếu tố truyền thống gây trở ngại cho công cuộc xây dựng nông thôn mới ở các cộng đồng miền núi và dân tộc thiểu số. Chương trình xây dựng nông thôn mới ở vùng miền núi và dân tộc thiểu số đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng cũng đang đối mặt với không ít trở ngại trong việc hoàn thành các tiêu chí, đặc biệt là các tiêu chí về văn hóa.

Vai trò của văn hóa tộc người vừa là động lực phát triển, vừa hỗ trợ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng nông thôn mới ở những địa phương miền núi và vùng dân tộc thiểu số các tỉnh phía Bắc. Thực tế cho thấy, vẫn còn những phong tục tập quán của tộc người hiện hữu chưa phù hợp với việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay. Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần nghiên cứu và bổ sung các tiêu chí phù hợp với đặc thù văn hóa tộc người ở từng địa phương vùng miền núi phía Bắc. Trên cơ sở đó, có kế hoạch cụ thể trong xây dựng các mô hình xã nông thôn mới cho vùng thấp, vùng cao, vùng biên giới, để vừa đảm bảo phát huy được bản sắc văn hóa tộc người, vừa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của phát triển bền vững.

Cần có sự tiếp thu chọn lọc những yếu tố văn hóa tinh thần và vật chất của các cộng đồng tộc người để xây dựng nông thôn mới ở từng địa phương, vùng miền phù hợp. Bởi nếu không đặt những hoạt động văn hóa tộc người trong bối cảnh cụ thể ở địa phương để xem xét, không nhìn nhận các yếu tố ở trạng thái động và góc nhìn giới trong phát triển cộng đồng sẽ là phiên diện và hình thức đối với những điểm nông thôn mới. Đồng thời sẽ không có một mô hình nông thôn mới thực chất và bền vững ở vùng dân tộc và miền núi phía Bắc, nếu tách rời môi trường văn hóa tộc người cũng như chiến lược xây dựng con người là chủ nhân của nền văn hóa ấy.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2016a), *Báo cáo triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020*.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2016b), Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Nhà nước: “*Ảnh hưởng của phong tục tập quán trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*”, thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng nông thôn mới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Học viện Dân tộc chủ trì.
3. Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê (2016), *Tổng điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số*.
4. Bế Viết Đăng (Chủ biên, 1996), *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế xã hội ở miền núi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hoàng Văn Hoan (2014), *Xây dựng Nông thôn mới: Vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), Thông tư số 12/2011/TT-BVNTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011 *Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhân danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa, bản văn hóa*.
7. Tổng cục Thống kê (2011), *Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn và thủy sản*, trên trang <http://www.gso.gov.vn>.